

Số: 2071/QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2015

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-HVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy định thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-HVN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 năm 2015 cho 115 (một trăm mười lăm) viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Nguyễn Thị Lan

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 1 NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số **2071** /QĐ-HVN ngày **06** tháng 7 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)
Tổng số công chức, viên chức và người lao động của Học viện tại thời điểm báo cáo: **1370** người

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2015					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên																		
1	Hồ Hồng	Thái	1958		Đại học	01.002	3	5.08		04/2012	01.002	4	5.42		04/2015	3	0.340	1,173,000	
2	Lê Thị	Soi		1987	Đại học	01.003	1	2.34		02/2012	01.003	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
3	Lê Thị	Hải		1987	Thạc sỹ	01.003	1	2.34		02/2012	01.003	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
4	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		1985	Thạc sỹ	01.003	1	2.34		10/2011	01.003	2	2.67		01/2015	6	0.330	2,277,000	Kéo dài 03 tháng
5	Nguyễn Anh	Tuấn	1982		Thạc sỹ	01.003	2	2.67		04/2012	01.003	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
6	Trịnh Hồng	Kiên	1978		Thạc sỹ	01.003	2	2.67		02/2012	01.003	3	3.00		02/2015	5	0.330	1,897,500	
7	Nguyễn Thu	Hằng		1977	Thạc sỹ	01.003	3	3.00		06/2012	01.003	4	3.33		06/2015	1	0.330	379,500	
8	Nguyễn Phương	Liên		1985	Cao đẳng	01.004	3	2.26		03/2013	01.004	4	2.46		03/2015	4	0.200	920,000	
9	Nguyễn Hồng	Dân	1976		Trung cấp	01.007	1	1.65		02/2013	01.007	2	1.83		02/2015	5	0.180	1,035,000	
10	Nguyễn Thị Thu	Hường		1987	Trung cấp	01.007	2	1.83		06/2013	01.007	3	2.01		06/2015	1	0.180	207,000	
11	Dương Thị	Ngát		1986	Đại học	01.007	2	1.83		01/2013	01.007	3	2.01		01/2015	6	0.180	1,242,000	
12	Nguyễn Đình	Phi	1971		Đại học	01.007	2	1.83		06/2013	01.007	3	2.01		06/2015	1	0.180	207,000	
13	Bùi Thị	Dung		1973		01.009	1	1.00		01/2013	01.009	2	1.18		01/2015	6	0.180	1,242,000	
14	Dương Lan	Hương	1979		Đại học	01.009	1	1.00		01/2013	01.009	2	1.18		01/2015	6	0.180	1,242,000	
15	Trần Thị Khánh	Vân		1969		01.009	3	1.36		01/2013	01.009	4	1.54		01/2015	6	0.180	1,242,000	
16	Nguyễn Thị	Hoa		1973		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
17	Nguyễn Thị	Minh		1981		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
18	Nguyễn Thị	Thanh		1969		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2015					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
19	Nghiêm Thị	Kim		1976		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
20	Lương Thị	Tuyết		1988		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
21	Vũ Thị	Hoa		1972		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
22	Lê Thị	Bình		1981		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
23	Dương Quang	Hiền	1985			01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
24	Đỗ Thị	Xuân		1974		01.009	3	1.36		06/2013	01.009	4	1.54		06/2015	1	0.180	207,000	
25	Trương Thị	Thắng		1969		01.009	5	1.72		05/2013	01.009	6	1.90		05/2015	2	0.180	414,000	
26	Nguyễn Duy	Vỹ	1968		Đại học	01.010	5	2.77		05/2013	01.010	6	2.95		05/2015	2	0.180	414,000	Đơn vị chi trả
27	Phạm Quốc	Việt	1975		Đại học	01.010	7	3.13		02/2013	01.010	8	3.31		02/2015	5	0.180	1,035,000	
28	Dương Ngọc	Anh	1970		Đại học	01.010	10	3.67		03/2013	01.010	11	3.85		03/2015	4	0.180	828,000	
29	Lại Thành	Công	1980		Đại học	01.011	1	1.50		02/2013	01.011	2	1.68		02/2015	5	0.180	1,035,000	
30	Nguyễn Thế	Hưng	1987			01.011	1	1.50		02/2013	01.011	2	1.68		02/2015	5	0.180	1,035,000	
31	Lê Tiến	Nam	1975			01.011	1	1.50		02/2013	01.011	2	1.68		02/2015	5	0.180	1,035,000	
32	Phạm Thị	Thúy		1978	Thạc sỹ	06.031	5	3.66		05/2012	06.031	6	3.99		05/2015	2	0.330	759,000	
33	Phạm Mạnh	Hưng	1973		Tiến sĩ	13.092	5	3.66		04/2012	13.092	6	3.99		04/2015	3	0.330	1,138,500	
34	Phan Việt	Đông	1957		Đại học	13.094	3	5.08		12/2010	13.094	4	5.42		12/2014	7	0.340	2,737,000	Kéo dài 12 tháng
35	Hoàng Thị Thu	Hiền		1984	Đại học	13.095	1	2.34		02/2012	13.095	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
36	Nguyễn Thị Liên	Minh		1981	Đại học	13.095	1	2.34		02/2012	13.095	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
37	Nguyễn Trường	Thành	1983		Thạc sỹ	13.095	1	2.34		02/2012	13.095	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
38	Nguyễn Thị	Khánh		1970	Đại học	13.095	1	2.34		02/2012	13.095	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
39	Đỗ Thị	Khuyên		1977	Thạc sỹ	13.095	2	2.67		06/2012	13.095	3	3.00		06/2015	1	0.330	379,500	
40	Nguyễn Đức	Hùng	1980		Thạc sỹ	13.095	2	2.67		04/2012	13.095	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
41	Nguyễn Thị	Phương		1979	Đại học	13.095	2	2.67		04/2012	13.095	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
42	Võ Văn	Hiếu	1982		Đại học	13.095	2	2.67		06/2012	13.095	3	3.00		06/2015	1	0.330	379,500	
43	Nguyễn Xuân	Xanh	1980		Thạc sỹ	13.095	2	2.67		06/2012	13.095	3	3.00		06/2015	1	0.330	379,500	
44	Trần	Hanh	1967		Đại học	13.095	2	2.67		02/2012	13.095	3	3.00		02/2015	5	0.330	1,897,500	
45	Nguyễn Thị Phương Lan			1982	Thạc sỹ	13.095	2	2.67		01/2012	13.095	3	3.00		01/2015	6	0.330	2,277,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2015					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
46	Phạm Thu	Giang		1976	Đại học	13.095	3	3.00		03/2012	13.095	4	3.33		05/2015	2	0.330	759,000	Nghi 02 tháng không lương
47	Hoàng Thị	Hiên		1969	Đại học	13.095	4	3.33		01/2012	13.095	5	3.66		01/2015	6	0.330	2,277,000	
48	Đỗ Lê	Anh		1974	Thạc sỹ	13.095	4	3.33		01/2012	13.095	5	3.66		01/2015	6	0.330	2,277,000	
49	Nguyễn Văn	Mạnh	1961		Đại học	13.095	8	4.65		06/2012	13.095	9	4.98		06/2015	1	0.330	379,500	
50	Nguyễn Hữu	Bằng	1981		Đại học	13.096	1	1.86		04/2013	13.096	2	2.06		04/2015	3	0.200	690,000	
51	Vũ Hải	Anh	1988		Trung cấp	13.096	2	2.06		01/2013	13.096	3	2.26		01/2015	6	0.200	1,380,000	
52	Lưu Quang	Hung	1984		Cao đẳng	13.096	2	2.06		01/2013	13.096	3	2.26		01/2015	6	0.200	1,380,000	
53	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		1965	Thạc sỹ	15.110	2	4.74		01/2011	15.110	3	5.08		01/2015	6	0.340	2,346,000	Kéo dài 12 tháng
54	Nguyễn Văn	Cương	1959		Tiến sỹ	15.110	3	5.08		06/2012	15.110	4	5.42		06/2015	1	0.340	391,000	
55	Bùi Trần Anh	Đào	1970		Tiến sỹ	15.110	3	5.08		01/2012	15.110	4	5.42		01/2015	6	0.340	2,346,000	
56	Nguyễn Tuấn	Son	1962		Tiến sỹ	15.110	5	5.76		07/2011	15.110	6	6.10		01/2015	6	0.340	2,346,000	Kéo dài 06 tháng
57	Nguyễn Thị Hồng	Linh		1958	Tiến sỹ	15.110	5	5.76		04/2012	15.110	6	6.10		04/2015	3	0.340	1,173,000	
58	Hoàng Văn	Son	1956		Thạc sỹ	15.110	5	5.76		01/2011	15.110	6	6.10		01/2015	6	0.340	2,346,000	Kéo dài 12 tháng
59	Trần Thiện	Long	1987		Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
60	Trần Bích	Phương		1988	Đại học	15.111	1	2.34		03/2012	15.111	2	2.67		03/2015	4	0.330	1,518,000	
61	Lưu Văn	Chiến	1986		Thạc sỹ	15.111	1	2.34		03/2012	15.111	2	2.67		03/2015	4	0.330	1,518,000	
62	Nguyễn Thị Huyền	Trang		1987	Đại học	15.111	1	2.34		01/2012	15.111	2	2.67		01/2015	6	0.330	2,277,000	
63	Nguyễn Thị	Lý		1987	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
64	Đặng Xuân	Phi	1988		Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
65	Trần Thanh	Phương		1987	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
66	Vũ Thị	Ngọc		1986	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
67	Lê Thị	Hạnh		1987	Thạc sỹ	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
68	Thân Ngọc	Thành	1987		Đại học	15.111	1	2.34		05/2012	15.111	2	2.67		05/2015	2	0.330	759,000	
69	Nguyễn Thị	Huyền		1988	Đại học	15.111	1	2.34		05/2012	15.111	2	2.67		05/2015	2	0.330	759,000	
70	Đỗ Thị	Nhâm		1987	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
71	Trần Thị	Thương		1988	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	

12/ 3. 3. 4

STT	Họ đệm Tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương đợt 1 năm 2015					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
72	Đào Thị Hoàng	Anh		1988	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
73	Đỗ Thị Tuyết	Mai		1988	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
74	Vũ Thị Hằng	Nga		1988	Đại học	15.111	1	2.34		06/2012	15.111	2	2.67		06/2015	1	0.330	379,500	
75	Nguyễn Văn	Hương	1976		Thạc sỹ	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
76	Bùi Thị Mai	Linh		1988	Thạc sỹ	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
77	Nguyễn Thị Thùy	Linh		1988	Đại học	15.111	1	2.34		02/2012	15.111	2	2.67		02/2015	5	0.330	1,897,500	
78	Nguyễn Công	Thiết	1985		Đại học	15.111	1	2.34		03/2012	15.111	2	2.67		03/2015	4	0.330	1,518,000	
79	Vũ Thị	Hương		1984	Thạc sỹ	15.111	1	2.34		01/2012	15.111	2	2.67		01/2015	6	0.330	2,277,000	
80	Đinh Thái	Hoàng	1984		Thạc sỹ	15.111	2	2.67		03/2012	15.111	3	3.00		03/2015	4	0.330	1,518,000	
81	Phạm Thị	Hằng		1984	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		04/2012	15.111	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
82	Nguyễn Văn	Minh	1983		Đại học	15.111	2	2.67		04/2012	15.111	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
83	Nguyễn Thuý	Hằng		1985	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		01/2012	15.111	3	3.00		01/2015	6	0.330	2,277,000	
84	Trần Vũ	Hà	1983		Thạc sỹ	15.111	2	2.67		03/2012	15.111	3	3.00		03/2015	4	0.330	1,518,000	
85	Nguyễn Thị Hải	Bình		1984	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		03/2012	15.111	3	3.00		03/2015	4	0.330	1,518,000	
86	Nguyễn Đăng	Tùng	1983		Thạc sỹ	15.111	2	2.67		01/2012	15.111	3	3.00		01/2015	6	0.330	2,277,000	
87	Bùi Thị	Lâm		1985	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		04/2012	15.111	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
88	Bùi Thị Thu	Trang		1985	Thạc sỹ	15.111	2	2.67		12/2011	15.111	3	3.00		06/2015	1	0.330	379,500	Kéo dài 06 tháng
89	Nguyễn Thị Huyền	Thanh		1981	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		10/2011	15.111	4	3.33		04/2015	3	0.330	1,138,500	Kéo dài 06 tháng
90	Nguyễn Thị Thu	Phương		1979	Thạc sỹ	15.111	3	3.00		03/2012	15.111	4	3.33		03/2015	4	0.330	1,518,000	
91	Đặng Hữu	Anh	1982		Thạc sỹ	15.111	3	3.00		02/2012	15.111	4	3.33		02/2015	5	0.330	1,897,500	
92	Nguyễn Ngọc	Tú	1977		Thạc sỹ	15.111	3	3.00		05/2012	15.111	4	3.33		05/2015	2	0.330	759,000	
93	Đinh Thị Hải	Vân		1975	Tiến sỹ	15.111	3	3.00		02/2012	15.111	4	3.33		02/2015	5	0.330	1,897,500	
94	Lại Thị Ngọc	Hà		1976	Tiến sỹ	15.111	4	3.33		05/2012	15.111	5	3.66		05/2015	2	0.330	759,000	
95	Ngọc Minh	Châu		1979	Thạc sỹ	15.111	4	3.33		01/2012	15.111	5	3.66		01/2015	6	0.330	2,277,000	
96	Phí Thị Diễm	Hồng		1979	Thạc sỹ	15.111	4	3.33		01/2012	15.111	5	3.66		01/2015	6	0.330	2,277,000	
97	Nguyễn Thanh	Hải	1980		Tiến sỹ	15.111	4	3.33		02/2012	15.111	5	3.66		02/2015	5	0.330	1,897,500	
98	Lê Thị Kim	Lan		1979	Thạc sỹ	15.111	4	3.33		05/2012	15.111	5	3.66		05/2015	2	0.330	759,000	

STT	Họ đệm		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả thi nâng bậc trong đợt 1 năm 2015					Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/chức danh	Bậc trong ngạch/chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Thời gian, tính hưởng/nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
99	Vũ Thanh	Hải	1975		Tiến sỹ	15.111	5	3.66		05/2012	15.111	6	3.99		05/2015	2	0.330	759,000	
100	Nguyễn Thị Bích	Yên		1973	Tiến sỹ	15.111	5	3.66		03/2012	15.111	6	3.99		03/2015	4	0.330	1,518,000	
101	Nguyễn Tất	Thắng	1977		Thạc sỹ	15.111	5	3.66		05/2012	15.111	6	3.99		05/2015	2	0.330	759,000	
102	Nguyễn Văn	Toàn	1977		Thạc sỹ	15.111	5	3.66		01/2012	15.111	6	3.99		01/2015	6	0.330	2,277,000	
103	Đặng Thị	Vân		1975	Tiến sỹ	15.111	6	3.99		05/2012	15.111	7	4.32		05/2015	2	0.330	759,000	
104	Nguyễn Thị Như	Hoa		1975	Trung cấp	16.135	6	2.86		01/2013	16.135	7	3.06		01/2015	6	0.200	1,380,000	
105	Phạm Thị	Luyến		1983	Đại học	17.170	2	2.67		04/2012	17.170	3	3.00		04/2015	3	0.330	1,138,500	
II Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung																			
106	Bùi Trung	Son	1964		Trung cấp	01.004	12	4.06	6%	03/2014	01.004	12	4.06	7%	03/2015	4	0.041	186,760	
107	Phạm Văn	Tuyển	1965			01.011	12	3.48	8%	06/2014	01.011	12	3.48	9%	06/2015	1	0.035	40,020	
108	Đặng Văn	Chương	1960			01.011	12	3.48	13%	01/2014	01.011	12	3.48	14%	01/2015	6	0.035	240,120	
109	Nguyễn Văn	Kiên	1959			01.011	12	3.48	14%	01/2014	01.011	12	3.48	15%	01/2015	6	0.035	240,120	
110	Lê Thị Bích	Liên		1961	Trung cấp	13.096	12	4.06	6%	03/2014	13.096	12	4.06	7%	03/2015	4	0.041	186,760	
111	Dương Văn	Sáng	1964		Trung cấp	13.096	12	4.06	7%	01/2014	13.096	12	4.06	8%	01/2015	6	0.041	280,140	
112	Đỗ Thị	Hương		1961	Trung cấp	13.096	12	4.06	7%	01/2014	13.096	12	4.06	8%	01/2015	6	0.041	280,140	
113	Nguyễn Ngọc	Son	1957		Trung cấp	13.096	12	4.06	9%	01/2014	13.096	12	4.06	10%	01/2015	6	0.041	280,140	
114	Đinh Văn	Chinh	1954		Tiến sỹ	15.110	8	6.78		12/2011	15.110	8	6.78	5%	06/2015	1	0.339	389,850	Kéo dài 06 tháng
115	Vũ Văn	Liết	1954		Tiến sỹ	15.110	8	6.78	5%	04/2014	15.110	8	6.78	6%	04/2015	3	0.068	233,910	

Trong danh sách này có:

115 người

- Nâng bậc lương thường xuyên:

105 người

- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung:

10 người

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

